

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công 10 tháng, ước cả năm 2021 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/07/2021 của HĐND huyện Đồng Phú về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 5260/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản 6 tháng cuối năm 2021.

Trên cơ sở kết quả thực hiện 10 tháng, ước thực hiện cả năm 2021, UBND huyện báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư công 10 tháng, ước thực hiện năm 2021 và Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, cụ thể như sau:

A. Kết quả thực hiện 10 tháng và ước cả năm 2021:

I. Kết quả giải ngân vốn đến 30/10/2021:

1. Vốn năm 2020 được phép kéo dài thanh toán sang năm 2021: 63,920 tỷ đồng, kết quả giải ngân: 12,792 tỷ đồng, đạt 20,0% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 96,1% KHV, trong đó:

- Vốn cấp tỉnh quản lý: 4,034/4,468 tỷ đồng, đạt 90,3% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 100% KHV.

- Vốn phân cấp huyện quản lý: 8,758/59,452 tỷ đồng, đạt 17,7% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 95,8% KHV.

2. Vốn năm 2021:

Kế hoạch vốn giao năm 2021 là: 412,638 tỷ đồng, kết quả giải ngân là: 175,538 tỷ đồng, đạt 42,5% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 98,7% KHV, trong đó:

a) Vốn ngân sách tỉnh: 103,723/229,326 tỷ đồng, đạt 45,2% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 100% KHV.

b) Vốn ngân sách huyện quản lý: 71,815/183,312 tỷ đồng, đạt 39,2% KHV, Ước thực hiện cả năm 2021 đạt khoảng 97,0% KHV. trong đó:

- Vốn tỉnh phân cấp theo định mức: 6,039/30,0 tỷ đồng, đạt 20,1% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 84,9% KHV.



- **Vốn tiền sử dụng đất:** 59,713/124,675 tỷ đồng, đạt 47,9% KHV. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 100% KHV. Bao gồm:

+ **Tỉnh phân cấp:** 38,038/88,0 tỷ đồng, đạt 43,2% KHV. Ước đạt 100% KHV

+ **Huyện giao thêm:** 21,675/36,675 tỷ đồng, đạt 59,1% KHV. Ước đạt 100% KHV.

- **Vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao:** 0/11,0 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 100% KHV.

- **Vốn tỉnh hỗ trợ đường bê tông xi măng:** 6,063/14,937 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 100% KHV.

- **Nguồn vốn chương trình giảm 1.000 hộ đồng bào DTTS nghèo:** 0/0,560 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 100% KHV.

- **Nguồn kết dư XDCB năm 2020:** 0/2,140 tỷ đồng. Ước thực hiện cả năm 2021 đạt 53% KHV (Trong đó Kết dư chương trình mục tiêu năm 2020: 0,999 tỷ đồng không phân bổ).

(Kèm theo Biểu 01,02,03,04 chi tiết)

3. Đánh giá chung:

Nhìn chung giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 10 tháng năm 2021 đạt 42,5% KHV chưa cao, nguyên nhân:

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài các chủ đầu tư, nhà thầu đều phải thực hiện nghiêm việc giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, các đơn vị thi công tạm ngưng thực hiện với thời gian dài, dẫn đến không có khối lượng giải ngân, các công trình khởi công chậm tiến độ theo kế hoạch đề ra, hiệu suất lao động giảm, tiến độ chậm gây ảnh hưởng rất lớn đến công tác giải ngân vốn.

- Do việc vận động Nhân dân hiến đất, cây trồng trên đất, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn (đặc biệt việc vận động Nhân dân ở 05 dự án đường kết nối từ đường ĐT741 vào khu liên hợp công nghiệp, dịch vụ đô thị Đồng Phú, đây là 05 dự án có số vốn chiếm tỷ trọng lớn).

- Các công trình lập quy hoạch, chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch và gửi các phòng, ban ngành có liên quan tham gia đóng góp ý kiến mất nhiều thời gian. Do vậy các chủ đầu tư chưa hoàn chỉnh hồ sơ và tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

- Các tuyến đường bê tông xi măng một số xã chưa thu đủ, không thu được tiền vận động đối ứng của Nhân dân; trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh, bổ sung tăng, giảm chiều dài tuyến dẫn đến ảnh hưởng tiến độ giải ngân.

II. Giải pháp thực hiện:

- UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các chủ đầu tư tập trung triển khai các phương án đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thi công các hạng mục công trình theo kế hoạch năm 2021, trong đó hoàn thành giải ngân vốn đạt khoảng 97% kế hoạch.

- Các cơ quan chuyên môn phối hợp với các chủ đầu tư chủ động rà soát tiến độ giải ngân của từng dự án để kịp thời có phương án xử lý cụ thể; đề cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; tiếp tục xác

định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

- Yêu cầu các chủ đầu tư song song với việc hoàn tất chứng từ thanh toán khi có khối lượng, nhanh chóng gửi hồ sơ đến Kho bạc Nhà nước để thanh toán, tất toán các công trình; yêu cầu các nhà thầu thi công tập trung nhân lực, máy móc, phương tiện để đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình; khẩn trương hoàn thành các thủ tục thanh toán để đảm bảo giải ngân các nguồn vốn được giao. Các công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng khẩn trương lập thủ tục quyết toán theo quy định.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân hiến đất, hiến cây trồng, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thi công đảm bảo chất lượng công trình được phê duyệt. Hoàn thiện các thủ tục nghiệm thu để thanh toán vốn theo tiến độ thực hiện, không dồn thanh toán vào cuối năm.

- UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác vận động Nhân dân, các doanh nghiệp đóng góp đầu tư xây dựng đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù đã thống nhất vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc gây ảnh hưởng đến tiến độ công trình.

- Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi công xây dựng các công trình.

- Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch phối hợp với Kho bạc NN huyện và các chủ đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân, rà soát kế hoạch vốn đã giao, kịp thời tham mưu điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn năm 2021.

B. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022:

I. Vốn huyện quản lý:

1. Xác định nguồn vốn đầu tư công năm 2022:

1.1. Dự kiến nguồn vốn đầu tư công của huyện giao năm 2022 là **204,380** tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn phân cấp theo định mức: 31,5 tỷ đồng (tăng 5% so với KH năm 2021 (năm 2021: 30,0 tỷ đồng) theo hướng dẫn của Sở KH và ĐT tại Công văn số 1639/SKHĐT-ĐT).

+ Nguồn thu sử dụng đất phân cấp: 121,520 tỷ đồng.

+ Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2022: 31,360 tỷ đồng

+ Nguồn tỉnh hỗ trợ làm đường BTXM: 14,0 tỷ đồng (năm 2021 KH tỉnh giao 14,937 tỷ đồng).

+ Nguồn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao (xã Thuận Phú): 6,0 tỷ đồng (năm 2021 KH tỉnh giao 6,0 tỷ đồng).

1.2. Dự kiến phương án phân bổ **204,380** tỷ đồng, như sau:

a, Danh mục chuyển tiếp 2021: gồm 30 danh mục công trình, kế hoạch vốn: **46,442** tỷ đồng (Biểu số 5.1).

b, Bố trí vốn theo cơ cấu: 1,5 tỷ đồng, trong đó:

- Tất toán các công trình đã quyết toán: 0,5 tỷ đồng;

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 1,0 tỷ đồng.

c, Danh mục khởi công mới năm 2022: gồm có 30 danh mục công trình, kế hoạch vốn: 156,438 tỷ đồng, trong đó:

- Danh mục tạm dừng năm 2021 chuyển sang năm 2022 tiếp tục thực hiện 01 danh mục công trình, kế hoạch vốn: 4,2 tỷ đồng.

- Đầu tư phát triển hạ tầng giao thông khu vực thị trấn Tân Phú đạt tiêu chí đô thị loại IV; Tập Lập lên đô thị loại V gồm có: 05 danh mục công trình, kế hoạch vốn: 16,5 tỷ đồng.

- Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm có: 17 danh mục công trình, kế hoạch vốn: 112,238 tỷ đồng, trong đó:

- + Lĩnh vực giao thông 12 danh mục, KHV: 104,738 tỷ đồng;

- + Lĩnh vực xây dựng dân dụng 04 danh mục, KHV: 7,5 tỷ đồng.

- Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia gồm có: 05 danh mục công trình, kế hoạch vốn: 17,5 tỷ đồng, trong đó:

- + Lĩnh vực xây dựng dân dụng 04 danh mục, KHV: 14,0 tỷ đồng;

- + Lĩnh vực khoa học công nghệ 01 danh mục, KHV: 3,5 tỷ đồng.

- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch 02 danh mục, KHV: 6,0 tỷ đồng.

(Kèm theo Biểu 5 chi tiết)

2. Đối với nguồn vốn Tỉnh hỗ trợ: Làm đường BTXM theo cơ chế đặc thù và vốn NTM (nâng cao) phân bổ trên cơ sở dự kiến theo kế hoạch năm 2021; Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững UBND huyện phân bổ khi có quyết định giao vốn chi tiết của UBND tỉnh Bình Phước, đồng thời báo cáo HĐND huyện vào kỳ họp gần nhất.

II. Vốn tỉnh quản lý:

- Theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 1), Kế hoạch vốn giao huyện Đồng Phú năm 2022 là 214,5 tỷ đồng.

(Kèm theo Biểu 06 chi tiết)

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công 10 tháng, ước thực hiện cả năm 2021 và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022, UBND huyện báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện xem xét.

Nơi nhận:

- TT. HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Phòng: TCKH, KTHT, Ban QLCA;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
VON TỈNH QUẢN LÝ GIAO HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 434 /BC-UBND ngày 09 /11 /2021 của UBND huyện Đồng Phú)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn bố trí giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	780.300	214.500	
I	Dự án chuyển tiếp	757.800	154.000	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại-dịch vụ Becamex Bình Phước	334.800	64.000	Theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước
2	Xây dựng đường từ trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	306.000	50.000	
3	Xây dựng đường từ trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	117.000	40.000	
II	Dự án khởi công mới	22.500	60.500	
3	Hỗ trợ huyện Đồng Phú xây dựng (40 phòng học)		38.000	
4	Xây dựng Trường mầm non Tân Lập	22.500	22.500	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ

(Kèm theo Báo cáo số 484 /BC-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện Đồng Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó						Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	
								Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu			
1	2	3	4	5	6=7+8+11+12	7	8=9+10	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG (A+B+C)			273.619	204.380	31.500	136.438	121.520	31.360	14.000	6.000	
A	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP 2021			46.442	46.442	30.000	0	16.442	0	0	0	Biểu 5.1
B	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.500	1.500	1.500	0	0	0	0	0	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã Quyết toán			500	500	500	0	0	0	0	0	
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư			1.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	
C	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2022			225.677	156.438	0	136.438	105.078	31.360	14.000	6.000	
I	Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện			6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0	0	
1	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCDA huyện		6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0	0	DM có trong trung hạn (tại NQ 38)
II	Đầu tư TT Tân Phú lên đô thị loại IV; xã Tân lập, lên đô thị loại V			22.200	16.500	0	16.500	16.500	0	0	0	
	Lĩnh vực giao thông			22.200	16.500	0	16.500	16.500	0	0	0	
1	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Ban QLCDA huyện	lát gạch vỉa hè, và trồng CX, điện chiếu sáng đoạn từ ĐT 741 đến Phú Riêng Đò, dài 406m; xây dựng đường CPSĐ từ Tôn Đức Thắng - Tây Nam DX, dài 520m	6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0	0	DM Bổ sung 2022
2	Xây dựng đường Tô 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	dài 0,8km; kết cấu sỏi đá rộng 15m và cống thoát nước ngang	2.200	1.800	0	1.800	1.800	0	0	0	Kết nối và hoàn thiện theo QH (DM bổ sung 2022)
3	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QLCDA huyện	dài 0,15km; kết cấu mặt đường BTN rộng 8m theo QH	5.500	4.000	0	4.000	4.000	0	0	0	CV 623/UBND-KT ngày 22/3/2021 và TB số 201/TB-UBND ngày 29/01/2021 của UBND huyện (DM bổ sung 2022)
4	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	dài 0,2km; kết cấu mặt đường LN 3 lớp, rộng 5,5m; bao gồm chi phí đèn bù	3.500	2.500	0	2.500	2.500	0	0	0	CV 807/UBND-KT ngày 09/4/2021 của UBND huyện (DM bổ sung 2022)
5	Xây dựng chỉnh trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	Ban QLCDA huyện	2,05ha; chỉnh trang	5.000	4.000	0	4.000	4.000	0	0	0	DM Bổ sung 2022
III	Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao			166.777	112.238	0	92.238	60.878	31.360	14.000	6.000	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó						Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	
								Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu			
a	Lĩnh vực giao thông			158.827	104.738	0	90.738	59.378	31.360	14.000	0	
1	Xây dựng đường DH Thuận Phú -Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	dài khoảng 05/8km; mặt đường rộng 5,5m; LN 3 lớp	23.500	18.000	0	18.000	18.000	0	0	0	đầu tư giai đoạn 1 là tuyến đường huyện theo QH kết nối 2 xã (DM bổ sung 2022)
2	Xây dựng đường vào Trường MN Đồng Tiến (điểm ấp 4)	Ban QLCDA huyện	Dài 0,2km; kết cấu mặt đường bằng BTXM rộng 7m; nền bù	800	800	0	800	800	0	0	0	Kiểm nghị cử tri (DM bổ sung 2022)
3	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	dài 0,4km; kết cấu mặt đường bằng BTXM rộng 8m theo QH	1.200	1.000	0	1.000	1.000	0	0	0	CV 1781/UBND-VP ngày 30/6/2021 của UBND huyện (DM bổ sung 2022)
4	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện	dài 1,5km; mở rộng mặt đường BTN 1,75mx2 bên và hệ thống thoát nước dọc; mặt đường sau khi mở rộng 7m	6.200	5.000	0	5.000	5.000	0	0	0	Có trong trung hạn (tại NQ 38)
5	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	Ban CHQS huyện	dài 1,8km; kết cấu mặt đường LN 3 lớp, rộng 3,5m	3.000	2.170	0	2.170	2.170	0	0	0	kiểm nghị BCH QS huyện (Bổ sung 2022)
6	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đỏ, xã Tân Phước	Ban QLCDA huyện	dài khoảng 5km; mặt đường rộng 5,5m; LN 3 lớp	17.000	14.000	0	14.000	14.000	0	0	0	kết nối 2 đoạn nhựa do giảm chiều dài từ đường 3 xã Đồng Tâm- Đồng Tiến- Tân Phước năm 2021 (Bổ sung 2022)
7	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	dài 6,2km; kết cấu mặt đường LN+ sỏi đỏ; nền đường rộng 11m;	11.800	9.000	0	9.000	9.000	0	0	0	ĐTC; xem xét vận động mở rộng 13m (cả nương thoát nước) DM đã có trong trung hạn (NQ 28)
8	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đồi xã Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt xã Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	Ban QLCDA huyện	dài 1,6km; kết cấu mặt đường LN 2 lớp rộng 3,5m; nền đường 7m	2.727	2.500	0	2.500	2.500	0	0	0	DM có trong trung hạn (tại NQ 28)
9	Xây dựng đường từ DT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TLA12)	Ban QLCDA huyện	Chiều dài 3km; đoạn từ ĐT 741 đến nghĩa trang dài 0,8km thảm BTN rộng khoảng 8m; vỉa hè 2mx2 bên; đoạn còn lại LN 3 lớp rộng 5,5m;	10.000	6.000	0	6.000	0	6.000	0		DM Bổ sung 2022
10	Xây dựng đường từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân xã Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	Chiều dài 4km; mặt đường rộng 3,5m; LN 3 lớp; đồng dân cư và đường vào NHV ấp Đồng Búa	10.000	6.000	0	6.000	0	6.000	0		DM Bổ sung 2022
11	Xây dựng đường từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Nhu ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	Chiều dài 8km; mở rộng 13m bao gồm cả nương thoát nước dọc; kết cấu LN + sỏi đỏ	15.000	8.000	0	8.000	0	8.000	0		DM Bổ sung 2022
12	Xây dựng đường từ ĐT753 ấp Suối Da đến ấp 5 xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	Chiều dài khoảng 4/8,3km; mặt đường rộng 5,5m; LN 3 lớp; kết nối	21.600	11.360	0	11.360	0	11.360	0		DM Bổ sung 2022
13	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn.	UBND các xã, thị trấn	dài khoảng 40km; BTXM đặc thù	36.000	20.908	0	6.908	6.908	0	14.000	0	DM có trong trung hạn (tại NQ 28)

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quy mô	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Trong đó						Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	
								Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu			
b	Lĩnh dân dụng			7.950	7.500	0	1.500	1.500	0	0	6.000	
1	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Thuận Phú 2 và Nhà văn hóa ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú	450m2	2.500	2.500	0	0	0	0	0	2.500	DM Bổ sung 2022
2	Xây dựng nhà làm việc một cửa xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú	170m2	2.500	2.500	0	0	0	0	0	2.500	DM Bổ sung 2022
3	Xây dựng chỉnh trang khuôn viên khu Tượng đài Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		1.000	1.000	0	0	0	0	0	1.000	DM Bổ sung 2022
4	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	300m2	1.950	1.500	0	1.500	1.500	0	0	0	DM Bổ sung 2022
IV	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			22.400	17.500	0	17.500	17.500	0	0	0	
a	Lĩnh dân dụng			18.600	14.000	0	14.000	14.000	0	0	0	
1	Xây dựng 02 phòng học, nhà bếp Trường MN Thuận Lợi (điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	400m2	2.000	1.500	0	1.500	1.500	0	0	0	DM Bổ sung 2022
2	Xây dựng 02 phòng học điểm ấp 4 Trường MN Đồng Tiến (Điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	250m2	2.000	1.500	0	1.500	1.500	0	0	0	DM Bổ sung 2022
3	Xây dựng 06 phòng chức năng trường MN Tân Tiến	Ban QLCDA huyện	750m2	6.800	5.000	0	5.000	5.000	0	0	0	DM Bổ sung 2022
4	Xây dựng 06 phòng học chức năng, nhà bếp nhà kho Trường MN Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	1000m2	7.800	6.000	0	6.000	6.000	0	0	0	DM Bổ sung 2022
b	Lĩnh vực khoa học công nghệ			3.800	3.500	0	3.500	3.500	0	0	0	
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các trường: TH Tân Phú, TH Tân Lập, TH và THCS Tân Hưng, TH và THCS Thuận Lợi và Phòng tin học TH và THCS Tân Phước)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		3.800	3.500	0	3.500	3.500	0	0	0	DM có trong trung hạn (tại NQ 28)
V	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch			8.300	6.000	0	6.000	6.000	0	0	0	
1	Lát gạch vỉa hè các tuyến đường khu TTTM huyện	Ban QLCDA huyện	lát gạch các tuyến đường: Nguyễn Hữu Thọ; Nguyễn Thị Định; Mai Thúc Loan; Lý Nam Đế; Nguyễn Thị Minh Khai; Hùng Vương	3.300	2.500	0	2.500	2.500	0	0	0	DM có trong trung hạn (tại NQ 28)
2	Cắm mốc theo quy hoạch đã được duyệt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		5.000	3.500	0	3.500	3.500	0	0	0	DM có trong trung hạn (tại NQ 28)

*** Ghi chú:** Đối với nguồn vốn Tỉnh hỗ trợ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững UBND huyện phân bổ khi có Quyết định giao vốn chi tiết của UBND tỉnh Bình Phước, đồng thời báo cáo HĐND huyện vào kỳ họp gần nhất.

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số chênh lệch	Dự Phòng	Kế hoạch vốn Bổ Sung 2022	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Chi chú
	1	2	3	4	5=3-4	6	7=8+9	8	9	10	11
5	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	800	400	400		400	400			
6	Điều chỉnh quy hoạch khu hoa viên Quân sự Kiểm lâm	Phòng Kinh tế và HT	200	100	100		100	100			
7	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500		500	500			
8	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và HT	450	225	225		225	225			
9	Lập quy hoạch chi tiết Khu dân cư ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT	2.200	1.100	1.100		1.100	1.100			
10	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	700	350	350		350	350			
11	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	1.100	550	550		550	550			
12	Lập quy hoạch chung xã Tân Lập theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	1.000	2.000		2.000	804	1.196		BS trong điều chỉnh 6 tháng 2021
III	ĐẦU TƯ DUY TRÌ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM VÀ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO		9.500	8.958	542	241	301	0	301		
III.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT		9.500	8.958	542	241	301	0	301		
1	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	9.500	8.958	542	241	301		301	4546/QĐ-UBND 30/12/2020	
IV	ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA THAY THẾ PHÒNG HỌC XUỐNG CẤP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018		25.900	24.400	1.500	1.224	277	277	0		
IV.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		22.400	20.930	1.470	1.206	264	264	0	0	
1	Xây dựng 24 phòng học Trường Tiểu học Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	18.300	17.292	1.008	853	155	155		1615/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	
2	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS và THPT Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	3.638	462	353	109	109		4551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	
IV.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		3.500	3.470	30	18	12	12	0	0	
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	Phòng Kt và HT (Cơ quan Thường trực Hội đồng KHCN huyện)	3.500	3.470	30	18	12	12		4526/QĐ-UBND 30/12/2020	
V	Danh mục công trình khởi công mới 6 tháng cuối năm 2021		24.800	7.946	16.854	0	16.854	16.854	0	0	
1	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	3.500	1.200	2.300		2.300	2.300			
2	Xây dựng 02 phòng học Trường MN Đồng Tâm, xã Đồng Tâm (điểm lẻ)	Ban QLCD huyện	2.400	816	1.584		1.584	1.584			
3	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	14.800	4.500	10.300		10.300	10.300			
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	1.430	2.670		2.670	2.670			



Biểu 5.1

DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 489/BC-UBND ngày 9/11/2021 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	Số chênh lệch	Dự Phòng	Kế hoạch vốn Bổ Sung 2022	Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Ghi chú
	1	2	3	4	5=3-4	6	7=8+9	8	9	10	11
	DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021		131.714	82.369	49.345	2.904	46.442	30.000	16.442		
I	ĐẦU TƯ THỊ TRẤN TÂN PHÚ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV		50.064	33.680	16.384	1.439	14.945	0	14.945		
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		50.064	33.680	16.384	1.439	14.945	0	14.945		
1	Xây dựng đường Tô 9 kết nối giao thông với đường Phú Riêng Đỏ (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	1.800	1.620	180	6	174	0	174	4533/QĐ-UBND 30/12/2020	
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	8.400	4.520	3.880	203	3.677	0	3.677	4534/QĐ-UBND 30/12/2020	2021 giảm 2,2
5	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	5.000	4.000	1.000	40	960	0	960	4537/QĐ-UBND 30/12/2020	
6	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	Ban QLCD huyện	4.864	3.890	974	110	864	0	864	4539/QĐ-UBND 30/12/2020	
8	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	2.500	2.250	250	31	219	0	219	4541/QĐ-UBND 30/12/2020	
9	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	24.000	14.400	9.600	1.048	8.552	0	8.552	4543/QĐ-UBND 30/12/2020 phê duyệt BCNCKT	
10	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn đường từ Phú Riêng Đỏ đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	3.500	3.000	500		500	0	500		BS trong điều chỉnh 6 tháng 2021
II	LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ QUY HOẠCH CHUNG 02 XÃ TÂN LẬP, TÂN TIẾN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI V		21.450	7.385	14.065	0	14.065	12.869	1.196		
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		21.450	7.385	14.065	0	14.065	12.869	1.196		
1	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến theo định hướng phát triển đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	1.500	1.500		1.500	1.500			
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dũng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500		500	500			
3	Quy hoạch chi tiết phía bắc khu TTHC huyện	Phòng Kinh tế và HT	2.000	1.000	1.000		1.000	1.000			
4	Lập quy hoạch chi tiết khu TTHC huyện Đồng Phú mở rộng sang phía Tây hồ Bàu Cọp	Phòng Kinh tế và HT	6.000	160	5.840		5.840	5.840			

TỔNG HỢP GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐTC NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 434/BC-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân đến 30/10/2021	Tỷ lệ giải ngân đạt (%)	Ước thực hiện cả năm 2021	Tỷ lệ giải ngân đạt (%)	Ghi chú
1	2	3	4	5=4/3			7
	Tổng cộng	476.558	188.329	39,5	468.533	98,3	
I	VỐN NĂM 2020 KÉO DÀI THANH TOÁN SANG NĂM 2021	63.920	12.792	20,0	61.433	96,1	
II	KẾ HOẠCH VỐN XDCB NĂM 2021	412.638	175.538	42,5	407.100	98,7	
1	Vốn ngân sách tỉnh	229.326	103.723	45,2	229.326	100	
2	Vốn ngân sách huyện	183.312	71.815	39,2	177.774	97,0	
2.1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	30.000	6.039	20,1	25.461	84,9	
2.2	Nguồn tiền sử dụng đất	124.675	59.713	47,9	124.675	100	
	- Tỉnh phân cấp	88.000	38.038	43,2	88.000	100	
	- Huyện giao thêm	36.675	21.675	59,1	36.675	100	
2.3	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	11.000	0	0	11.000	100	
2.4	Vốn tỉnh hỗ trợ đường bê tông xi măng năm 2021	14.937	6.063	40,6	14.937	100	
2.5	Vốn chương trình giảm 1000 hộ nghèo	560	0	0	560	100	
2.6	Nguồn kết dư XDCB năm 2020	2.140	0	0	1.141	53,3	
	- Phân bổ cho DMCT khởi công mới	1.141	0	0	1.141	100	
	- Kết dư chương trình mục tiêu	999	0	0		0,0	

GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 KÉO DÀI SANG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 474 /BC-UBND ngày 29 / 11 /2021 của UBND huyện Đồng Phú)

DVT: Đồng

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2020 kéo dài sang năm 2021	Thực hiện giải ngân vốn đến 30/10/2021			Ước thực hiện cả năm 2021	Tỷ lệ giải ngân (%)
						Khối lượng thực hiện đến	Giải ngân đến ngày	Tỷ lệ giải ngân (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng nguồn vốn (I+II)				63.919.554.042	12.791.690.205	12.791.690.205	20,0	61.432.834.792	96,1
I	Ngân sách tỉnh quản lý				4.467.986.000	4.033.789.000	4.033.789.000	90,3	4.467.986.000	100
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến KCN bắc Đồng Phú	Ban QLCDA huyện			142.587.000	-	0	0	142.587.000	100
2	Nâng cấp đường xã Đồng Tâm đi xã Thuận Phú huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện			3.060.733.000	3.060.733.000	3.060.733.000	100	3.060.733.000	100
3	Nâng cấp láng nhựa tuyến đường từ trung tâm xã đi 03 ấp Phước Tiến, Nam Đô đến Ngã ba ấp Sác Xi, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện			338.595.000	338.595.000	338.595.000	100	338.595.000	100
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại-dịch vụ Becamex Bình Phước	Ban QLCDA huyện			443.571.000	443.571.000	443.571.000	100	443.571.000	100
5	Xây dựng đường từ trục chính từ ĐT.741 vào khu quy hoạch công nghiệp - thương mại-dịch vụ Becamex Bình Phước	Ban QLCDA huyện			439.000.000	147.390.000	147.390.000	34	439.000.000	100
6	Nâng cấp mở rộng đường Phú Riêng Đỏ từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện			43.500.000	43.500.000	43.500.000	100	43.500.000	100
II	Ngân sách huyện quản lý				59.451.568.042	8.757.901.205	8.757.901.205	14,7	56.964.848.792	95,8
1	Nâng cấp đường GTNT từ cầu Tổ 4 đến ngã ba ông Ninh ấp Thuận Tân, xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	7754064	1.570	14.959.000	-	0	0	14.959.000	100

2	Xây dựng công, hàng rào và sửa chữa nhà thi đấu khu Trung tâm Văn hóa thể thao huyện	Ban QLCD huyện	7818530	6.383	415.020.000	279.950.109	279.950.109	67,5	415.020.000	100
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	7677904	25.000	80.748.000	-	0	0	80.748.000	100
4	Xây dựng 14 phòng học lầu Trường Mầm non Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	Ban QLCD huyện	7731425	6.500	232.000.000	-	0	0	232.000.000	100
5	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Tân Phú	Ban QLCD huyện	7789227	5.000	55.932.667	-	0	0	55.932.667	100
6	Xây dựng các hạng mục phụ trợ và mua sắm trang thiết bị để Trường Mầm non Đồng Tiến đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1	Ban QLCD huyện	7789229	1.838	18.911.921	-	0	0	18.911.921	100
7	Xây dựng 14 phòng học, 6 phòng chức năng, nhà ăn và sân vườn khối Tiểu học Trường TH và THCS Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7789230	15.180	2.719.209.938	2.719.209.938	2.719.209.938	100,0	2.719.209.938	100
8	Xây dựng đường GTNT Đội 5, ấp 2 xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7789234	2.757	44.731.000	-	0	0	44.731.000	100
9	Nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Quân Đoàn 4 đi cầu Hai Phước ấp 2, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7813475	3.279	28.141.000	-	0	0	28.141.000	100
10	Duy tu, sửa chữa đường GTNT từ nhà ông Mạc đi Suối Thác ấp 3, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7813476	1.173	110.722.000	48.850.000	48.850.000	44	110.722.000	100
11	Tuyến số 1: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km51+450, ấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục khu tái định cư khoảng Km35), dài 10,48Km; quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48Km, lộ giới 32m	Ban QLCD huyện	7850938	26.125	7.527.596.000	-	0	0%	7.151.216.200	95

12	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8Km, lộ giới 65m	Ban QLCDA huyện	7850939	40.366	13.420.789.000	-	0	0%	12.749.749.550	95
13	Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km60+750), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5Km, lộ giới 42m	Ban QLCDA huyện	7850941	29.786	18.848.391.000	33.750.000	33.750.000	18%	17.905.971.450	95
14	Tuyến số 5: Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km49+740), điểm cuối tại ranh nông trường cao su Tân Lập. Quy mô: Chiều dài tuyến 0,5/1,8km, lộ giới: 42m	Ban QLCDA huyện	7852661	7.571	729.861.000	-	0	0	693.367.950	95
15	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	Ban QLCDA huyện	7697012	1.144	10.916.375	-	0	0	10.916.375	100
16	Xây dựng trụ sở làm việc xã đội xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	Ban QLCDA huyện	7697013	1.153	11.046.380	-	0	0	11.046.380	100
17	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Tiến	Ban QLCDA huyện	7699574	11.031	90.040.000	-	0	0	90.040.000	100
18	Tuyến số 3: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200). Quy mô: Chiều dài tuyến 6,1/9,5Km, lộ giới 42m	Ban QLCDA huyện	7850940	46.152	9.207.748.000	4.253.850.000	4.253.850.000	46,2	8.747.360.600	95
19	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT liên ấp Thuận Hòa 1 đi Thuận An , xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	7731440	3.212	29.020.000	-	0	0	29.020.000	100
20	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ngã ba Đồi Mù đi cầu Suối Bãng ấp 2, xã Đồng Tiến	Ban QLCDA huyện	7754062	1.288	11.805.000	-	0	0	11.805.000	100
21	Xây dựng đường N1, D4 khu TTHC xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	7789228	1.436	22.572.000	-	0	0	22.572.000	100

22	Nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Quốc Tế đến đường 312, ấp 3, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7813477	2.390	106.497.000	-	0	0	106.497.000	100
23	Xây dựng Trường Mầm non Đồng Tâm (đạt chuẩn Nông thôn mới)	Ban QLCD huyện	7731424	5.071	251.983.000	53.323.000	53.323.000	21	251.983.000	100
24	Xây dựng Trường Mầm non Thuận Lợi đạt chuẩn nông thôn mới	Ban QLCD huyện	7731428	6.745	33.188.000	-	0	0	33.188.000	100
25	Xây dựng Trường TH và THCS Đồng Tâm đạt chuẩn nông thôn mới	Ban QLCD huyện	7732373	12.775	192.049.310	-	0	0	192.049.310	100
26	Xây dựng đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7741348	3.530	2.605.500.654	-	0	0	2.605.500.654	100
27	Thảm bê tông nhựa đường chạy việt dã sân vận động huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7817473	1.429	12.001.288	12.001.288	12.001.288	100	12.001.288	100
28	Đầu tư thiết bị phục vụ khoa học công nghệ 04 Trường: THCS Tân Phú, PTDTNT THCS Đồng Phú, TH và THCS Tân Hòa, TH và THCS Tân Hưng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7794150	3.000	28.652.574	28.185.146	28.185.146	98	28.652.574	100
29	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Đồng Tiến	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834305	228	36.799.243	-	0	0	36.799.243	100
30	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834306	140	23.817.920	-	0	0	23.817.920	100
31	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Thuận Phú	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834307	188	30.945.920	-	0	0	30.945.920	100
32	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834308	201	32.862.639	-	0	0	32.862.639	100
33	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834309	194	31.833.356	-	0	0	31.833.356	100

34	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Hưng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834310	146	24.728.707	-	0	0	24.728.707	100
35	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Tân Hòa	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834311	140	23.817.920	-	0	0	23.817.920	100
36	Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Đồng Tâm	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7834312	198	37.356.551	-	0	0	37.356.551	100
37	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân Phú	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7846626	1.890	253.101.750	10.550.000	10.550.000	4	253.101.750	100
38	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ngã ba ông ba Nhu đi ngã ba ông Tư ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7792981	2.297	22.009.182	21.288.069	21.288.069	97	22.009.182	100
39	Nâng cấp láng nhựa đường tổ 29, ấp Chợ, xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7793171	1.489	14.079.189	13.188.203	13.188.203	94	14.079.189	100
40	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến Cầu Mới ấp Quân Y, xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7794139	2.700	50.467.056	-	0	0	50.467.056	100
41	Trồng cây xanh đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7817275	1.862	592.912	-	0	0	592.912	100
42	Lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết chợ Tân Phước	Phòng Kinh tế và Hạ tầng			215.772.666	-		0	215.772.666	100
43	Kéo điện tuyến nhà bà Nhung đội 4, ấp 2, xã Đồng Tâm	Phòng Dân tộc	7839935		2.501.586	-		0	2.501.586	100
44	Kéo điện từ ngã ba cầu Năm Tấn đến nhà ông Hứa Văn Mưu đội 5, ấp 1, xã Đồng Tâm	Phòng Dân tộc	7839939		4.269.112	-	0	0	4.269.112	100
45	Kéo điện tuyến nhà bà Hồng đến nhà bà Mỹ đội 1, ấp 3, xã Đồng Tâm	Phòng Dân tộc	7848039		3.342.664	-	0	0	3.342.664	100
46	Xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa các ấp và trụ sở xã Thuận Lợi để đạt chuẩn nông thôn mới	UBND xã Thuận Lợi	7784035	5.894	329.988.496	95.666.894	95.666.894	29	329.988.496	100

47	Xây dựng đường BTXM liên ấp Thuận Hòa 1 đi ấp Thuận Bình từ nhà ông Phạm Bá Dy đến ngã ba đường liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú	UBND xã Thuận Lợi	7855228	607	617.903	-	0	0	617.903	100
48	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Út Địa đến nhà ông Út Phong ấp Thuận Hòa 1	UBND xã Thuận Lợi	7775938	606	1.000.000	-	0	0	1.000.000	100
49	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Cao Văn Dũng đến nhà ông Phạm Bá Cường ấp Thuận Hòa 1	UBND xã Thuận Lợi	7865745	48	3.568.417	-	0	0	3.568.417	100
50	Xây dựng đường BTXM từ đường từ ngã 4 liên tổ NTCS đến Nguyễn Văn Tuấn ấp Thuận Hòa 2	UBND xã Thuận Lợi	7865752	123	597.721	-	0	0	597.721	100
51	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hứa Văn Choong đến nhà ông Nông Xuân Biên ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7865753	172	8.182.914	-	0	0	8.182.914	100
52	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba liên xã Thuận Lợi - Thuận Phú đến giáp suối ông Lê Đình Tâm ấp Thuận Bình	UBND xã Thuận Lợi	7865754	126	611.064	-	0	0	611.064	100
53	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba tổ 5 đến nhà ông Trương Văn Khánh ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7865755	943	1.832.462	-	0	0	1.832.462	100
54	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nông Văn Thắng đến ngã ba nhà ông Tô Văn Kiều ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7865756	858	1.105.603	-	0	0	1.105.603	100
55	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Mai Xuân Thảo đến nhà ông Phan Xuân Lâm, tổ 6A ấp Thuận Hòa 1	UBND xã Thuận Lợi	7865771	52	1.089.816	-	0	0	1.089.816	100
56	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Đinh Xuân Hương đến nhà ông Nông Văn Đức, tổ 6A ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7865780	129	5.636.558	-	0	0	5.636.558	100
57	Xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà văn hóa ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi	UBND xã Thuận Lợi	7824098	900	48.626.821	-	0	0	48.626.821	100
58	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hiệu Dung đến nhà ông Cường, ấp Thuận Hòa 2	UBND xã Thuận Lợi	7839936	632	799.203	-	0	0	799.203	100
59	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thanh Tô đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng, ấp Thuận Hòa 1	UBND xã Thuận Lợi	7839937	409	39.918	-	0	0	39.918	100
60	Xây dựng đường BTXM từ cầu Đò đến nhà ông Huỳnh Minh Thắng, ấp Thuận Hòa 1	UBND xã Thuận Lợi	7839938	307	509.686	-	0	0	509.686	100
61	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Điều Hương đến nhà ông Nguyễn Văn Lân, ấp Thuận Tiến	UBND xã Thuận Lợi	7853608	610	738.301	-	0	0	738.301	100

62	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Điều Thiệt đến nhà bà Thị Gành, ấp Thuận Tiến	UBND xã Thuận Lợi	7853609	127	5.636.558	-	0	0	5.636.558	100
63	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Điều Môi đến nhà ông Điều Hằng, ấp Thuận Tiến	UBND xã Thuận Lợi	7853618	129	11.321.161	-	0	0	11.321.161	100
64	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Thị Đẳng đến nhà ông Điều Địa, ấp Thuận Tiến	UBND xã Thuận Lợi	7853619	46	3.538.226	-	0	0	3.538.226	100
65	Xây dựng đường BTXM từ cầu Suối Đá đến nhà ông Nông Hải Dương, ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7853620	470	20.004.896	-	0	0	20.004.896	100
66	Xây dựng đường BTXM từ đầu Bờ Đập hồ Đồng Xoài đến nhà bà Lâm Thị Vương, ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7853621	393	23.912.493	-	0	0	23.912.493	100
67	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba cầu tổ 3 nhà ông Đình Văn Hương đến nhà ông Hứa Văn Quyết, ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7853622	1.293	63.376.236	-	0	0	63.376.236	100
68	Xây dựng đường BTXM từ trường học Thuận Tân A đến ngã ba nhà ông Nông Văn Tỏi, ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7853623	617	42.641.765	-	0	0	42.641.765	100
69	Xây dựng đường BTXM tổ 4A từ nhà ông Phan Trọng Phú đến nhà ông Trần Trọng Thủy và đến nhà ông Ngô Thế Mỹ, ấp Thuận Thành 1	UBND xã Thuận Lợi	7857006	265	1.137.362	-	0	0	1.137.362	100
70	Xây dựng đường BTXM tổ 4A từ ĐT 741 đến nhà ông Ngô Thế Mỹ, ấp Thuận Thành 1	UBND xã Thuận Lợi	7857101	140	1.057.448	-	0	0	1.057.448	100
71	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba Tư Rú đến nhà ông T Sản Cổng Mùi đội 4 ấp Pa Pếch	UBND xã Tân Hưng	7867283	931	21.498.990	20.408.704	20.408.704	95	21.498.990	100
72	Xây dựng đường BTXM tổ 18 ấp 5	UBND xã Tân Lập	7880376	174	103.000.000	101.375.602	101.375.602	98	103.000.000	100
73	Xây dựng đường BTXM tổ 50 nối dài ấp 3	UBND xã Tân Lập	7880377	157	93.000.000	91.807.176	91.807.176	99	93.000.000	100
74	Xây dựng đường BTXM dân sinh ấp 4 xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	7871267	1.047	293.984.242	293.955.643	293.955.643	100	293.984.242	100

75	Xây dựng đường BTXM liên tổ Tổ 32 - Tổ 34 ấp 3	UBND xã Tân Lập	7880378	103	29.219.086	28.365.937	28.365.937	97	29.219.086	100
76	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Quang Hai đến nhà ông Nguyễn Văn Phong ấp Đồng Bia	UBND xã Tân Lợi	7877350	498	411.000.000	409.549.400	409.549.400	100	411.000.000	100
77	Xây dựng đường BTXM tổ 40B ấp Thái Dũng nổi dài	UBND xã Tân Tiến	7884180	422	244.000.000	242.626.096	242.626.096	99,4	244.000.000	100
78	Xây dựng đường BTXM đội 3 ấp Sắc Xi	UBND xã Tân Phước	7876323	326	1.294.424	-	0	0	1.294.424	100
79	Xây dựng đường BTXM hẻm đội 4, ấp Phước Tiến	UBND xã Tân Phước	7857805	248	948.953	-	0	0	948.953	100
80	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Hoàng Thị Cây đến nhà ông Bế Văn Chiêu, ấp Phước Tâm	UBND xã Tân Phước	7857806	314	1.068.255	-	0	0	1.068.255	100
81	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nghiệp Xuân Vũ đến nhà bà Nông Thị Cảnh, ấp Phước Tâm	UBND xã Tân Phước	7857809	417	879.624	-	0	0	879.624	100
82	Xây dựng đường BTXM từ từ bà Nguyễn Thị Thành đi nhà ông Nguyễn Văn Dự, ấp Phước Tân	UBND xã Tân Phước	7857810	149	769.357	-	0	0	769.357	100
83	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Triệu Thị Luận đến nhà ông Nông Quốc Trình, ấp Phước Tâm	UBND xã Tân Phước	7857811	248	948.953	-	0	0	948.953	100
84	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Hoàng Thi An đến nhà bà Lý Thị Thương, ấp Phước Tâm	UBND xã Tân Phước	7857812	166	1.298.225	-	0	0	1.298.225	100
85	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Phạn Thị Tền đi nhà ông Nông Văn Sơn, ấp Phước Tân	UBND xã Tân Phước	7857813	446	1.306.493	-	0	0	1.306.493	100
86	Xây dựng đường BTXM đội 1 ấp Cầu Rạt	UBND xã Tân Phước	7876322	459	1.449.932	-	0	0	1.449.932	100



Biểu số 3

GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 HUYỆN ĐỒNG PHÚ(Kèm theo Báo cáo số 484 /BC-UBND ngày 29 /11 /2021 của UBND huyện)**NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ**

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2021	Giải ngân 30/10/2021	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ước thực hiện cả năm 2021	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi Chú
1	2	3	4	5	6	7=6/5	8	9=8/5	8
	Tổng cộng		885.326	229.326	103.723	45,23	229.326	100	
I	Nguồn thu tiền sử dụng đất		882.000	226.000	100.422	44	226.000	100	
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước (Tuyến 4)	Ban Quản lý các dự án huyện	372.000	100.000	100.000	100	100.000	100	
2	Nâng cấp đường nội trung tâm xã Tân Phước - Đồng Tiến - Đồng Tâm huyện Đồng Phú	Ban Quản lý các dự án huyện	40.000	36.000	0	0	36.000	100	
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng (Tuyến 5)	Ban Quản lý các dự án huyện	130.000	40.000	422	1,06	40.000	100,00	
4	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước (Tuyến 2)	Ban Quản lý các dự án huyện	340.000	50.000	0	0	50.000	100	
II	Tất toán công trình đã quyết toán		3.326	3.326	3.301	99	3.326	100	
1	Trường Mầm non Tân Phước, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	Ban Quản lý các dự án huyện	3.326	3.326	3.301	99	3.326	100	

GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 THEO DANH MỤC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Báo cáo số 474 /BC-UBND ngày 29 / 4 /2021 của UBND huyện Đồng Phú)

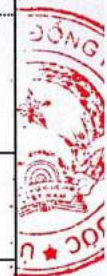
VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Kế hoạch vốn năm 2021 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2021								Giải ngân đến 30/10/2021			Ước thực hiện cả năm 2021		Chi Chú
					Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Trong đó		Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2021	Nguồn kết dư XDCB năm 2020	KP giảm 1000 hộ nghèo	Nguồn vốn tính hỗ trợ NTM nâng cao	Khối lượng thực hiện	Giải ngân vốn	Tỷ lệ %	Dự kiến giải ngân KH vốn năm 2021 đến 31/1/2021	Tỷ lệ %	
							Tỉnh phân cấp	Huyện giao thêm										
1	2	3	4	5=18+19+22.+25	18	19=20+21	20	21	22	23	24	25	26	27	28=27/5	29	30=29/5	31
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)		240.366	183.312	30.000	124.675	88.000	36.675	14.937	2.140	560	11.000	71.815	71.815	39,2	177.774	97,0	
A	BỘ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU		1.500	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	1.500	100	
I	BỘ TRÍ TẤT TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN		500	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	500	100	
II	BỘ TRÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	1.000	100	
B	DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021		237.307	180.253	28.500	124.675	88.000	36.675	14.937	1.141	0	11.000	71.815	71.815	39,8	175.714	97,5	
I	ĐẦU TƯ THỊ TRẤN TÂN PHÚ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV		55.484	42.864	10.722	32.142	21.742	10.400	0	0	0	0	15.338	15.338	35,8	38.344	89,5	
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		55.484	42.864	10.722	32.142	21.742	10.400	0	0	0	0	15.338	15.338	35,8	38.344	89,5	
1	Xây dựng đường Tổ 9 kết nối giao thông với đường Phú Riềng Đỏ (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	1.800	1.620	1.620	0	0	0	0	0	0	0	53	52,9	3,3	1.620,0	100	
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	4.520	4.520	4.520	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Giảm 2.200tr theo TB 05/TB-HĐND ngày 09/6/2021
3	Xây dựng đường cấp phối sỏi đỏ Tổ 33 (đường Đông Tây 11) nối dài đến đường kết nối phía Tây Nam Đồng Xoài, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCDA huyện	1.800	1.800	1.582	218	218	0	0	0	0	0	0	0	0	1.800	100	Giảm 2.200tr theo TB 05/TB-HĐND ngày 09/6/2021

5	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	5.000	4.000	0	4.000	4.000	0	0	0	0	0	428	428,4	10,7	4.000	100	
6	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	4.864	3.890	0	3.890	3.890	0	0	0	0	0	1.163	1.163	29,9	3.890	100	
7	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Phú Riềng Đỏ đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	7.500	7.384	0	7.384	7.384	0	0	0	0	0	5.719	5.719	77,4	7.384,0	100	
8	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	2.500	2.250	0	2.250	2.250	0	0	0	0	0	339	338,6	15,0	2.250	100	
9	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	24.000	14.400		14.400	4.000	10.400	0	0	0	0	7.637	7.637	53,0	14.400	100	
10	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn đường từ Phú Riềng Đỏ đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	3.500	3.000	3.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.000	100	BS KH vốn theo TB số 05/TB-HĐND ngày 09/6/2021
II	LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ QUY HOẠCH CHUNG 02 XÃ TÂN LẬP, TÂN TIẾN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI V		15.610	7.385	6.385	1.000	1.000	0	0	0	0	0	99	99	1,3	7.385	100	
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		15.610	7.385	6.385	1.000	1.000	0	0	0	0	0	99	99	1,3	7.385	100	
1	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến theo định hướng phát triển đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.500	100	
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dũng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	100	
3	Quy hoạch chi tiết phía bắc khu TTHC huyện	Phòng Kinh tế và HT	2.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	100	
4	Lập quy hoạch chi tiết khu TTHC huyện Đồng Phú mở rộng sang phía Tây hồ Bàu Cọp	Phòng Kinh tế và HT	160	160	160	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	100	Giảm 3.440 và Tạm dừng (do nhà tài trợ KP)
5	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	800	400	400	0	0	0	0	0	0	0	23	23,1	6	400	100	

6	Điều chỉnh quy hoạch khu hoa viên Quân sự Kiểm lâm	Phòng Kinh tế và HT	200	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	100	
7	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	100	
8	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Mãng xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và HT	450	225	225	0	0	0	0	0	0	0	23	23,1	10	225	100	
9	Lập quy hoạch chi tiết Khu dân cư ấp Dền Dền, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT	2.200	1.100	1.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.100	100	
10	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	700	350	350	0	0	0	0	0	0	0	23	23	7	350	100	
11	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	1.100	550	550	0	0	0	0	0	0	0	30	30	5	550	100	
12	Lập quy hoạch chung xã Tân Lập theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	1.000	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	100	BS KH vốn theo TB số 05/TB-HĐND ngày 09/6/2021
III	ĐẦU TƯ DUY TRÌ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM VÀ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NĂNG CAO		85.963	68.657	112	42.608	32.773	9.835	14.937	0	0	11.000	14.074	14.074	20	68.657	100	
III.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT		74.763	57.695	0	31.758	22.066	9.692	14.937	0	0	11.000	11.179	11.179	19	57.695	100	
1	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	9.500	8.958	0	8.958	8.021	937	0	0	0	0	4.424	4.424	49	8.958	100	
2	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn (26,65km)	UBND các xã, thị trấn	23.523	15.566	0	629	629	0	14.937	0	0	0	6.063	6.063	41	15.566	100	Phụ lục 02
	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn (33,57 km) 36DM	UBND các xã, thị trấn	29.340	20.832		20.832	12.077	8.755	0	0	0	0	0	0	0	20.832	100	Phụ lục 03
3	San lấp mặt bằng QH KDC ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	1.400	1.339	0	1.339	1.339	0	0	0	0	0	692	692	52	1.339	100	
4	Đầu tư xây dựng xã Tân Lập đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2021	UBND xã Tân Lập	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	0	5.000	0	0	0	5.000	100	Phụ lục 01
5	CT mục tiêu quốc gia XD NTM xã Tân Tiến	UBND xã Tân Tiến	6.000	6.000	0	0	0	0	0	0	0	6.000	0	0	0	6.000	100	



III.2	LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỤNG		11.200	10.962	112	10.850	10.707	143	0	0	0	0	2.894	2.894		10.962	100	
1	Xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	Công an huyện	6.700	6.620	0	6.620	6.477	143	0	0	0	0	263	263	4	6.620	100	
2	Xây dựng công, hàng rào các Nhà văn hóa các khu phố, ấp trên địa bàn thị trấn Tân Phú	UBND thị trấn Tân Phú	500	450	0	450	450	0	0	0	0	0	0	0	0	450	100	
3	Xây dựng Nhà văn hóa ấp 6, ấp 7, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	1.800	1.800	0	1.800	1.800	0	0	0	0	0	865	865	48	1.800	100	
4	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	2.200	2.092	112	1.980	1.980	0	0	0	0	0	1.766	1.766	89	2.092	100	
IV	ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA THAY THẾ PHÒNG HỌC XUỐNG CẤP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018		55.450	53.401	11.281	42.120	25.732	16.388	0	0	0	0	42.304	42.304		53.382	100	
IV.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		51.950	49.931	7.811	42.120	25.732	16.388	0	0	0	0	38.852	38.852		49.931	100	
1	Xây dựng 10 phòng học Trường Tiểu học Tân Tiến, xã Tân Tiến	Ban QLCDA huyện	6.150	5.934	1.014	4.920	4.920	0	0	0	0	0	4.920	4.920	83	5.934	100	
2	Xây dựng 08 phòng học và 02 phòng chức năng điểm Thạch Mãng Trường TH và THCS Tân Lợi, xã Tân Lợi	Ban QLCDA huyện	6.300	6.293	1.253	5.040	5.040	0	0	0	0	0	4.826	4.826	77	6.293	100	
3	Xây dựng 02 phòng học điểm Nam Đô, Trường TH&THCS Tân Phước	Ban QLCDA huyện	1.100	1.098	108	990	990	0	0	0	0	0	1.092	1.092	99	1.098	100	
4	Xây dựng 04 phòng học điểm Km12 Trường TH&THCS Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	2.600	2.544	204	2.340	2.340	0	0	0	0	0	2.250	2.250	88	2.544	100	
5	Xây dựng 01 phòng học điểm Pa Pêch và 01 phòng điểm Suối Nhung, Trường TH&THCS Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	1.400	1.384	124	1.260	1.260	0	0	0	0	0	1.228	1.228	89	1.384	100	
6	Xây dựng 04 phòng học điểm ấp 6 Trường TH Đồng Tiến	Ban QLCDA huyện	2.600	2.520	180	2.340	2.340	0	0	0	0	0	1.909	1.909	76	2.520	100	
7	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Phú	Ban QLCDA huyện	4.100	4.058	368	3.690	3.690	0	0	0	0	0	3.053	3.053	75	4.058	100	

8	Xây dựng 24 phòng học Trường Tiểu học Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	18.300	17.292	4.320	12.972	4.992	7.980	0	0	0	0	12.912	12.912	75	17.292	100	
9	Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng chức năng Trường TH và THCS Thuận Lợi, xã Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	5.300	5.170	240	4.930	160	4.770	0	0	0	0	3.967	3.967	77	5.170	100	
10	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS và THPT Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	3.638	0	3.638	0	3.638	0	0	0	0	2.694	2.694	74	3.638	100	
IV.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		3.500	3.470	3.470	0	0	0	0	0	0	0	3.451	3.451		3.451	99,5	
11	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	Phòng KT và HT (Cơ quan Thường trực Hội đồng KHCHN huyện)	3.500	3.470	3.470	0	0	0	0	0	0	0	3.451	3.451	99	3.451	99,5	
V	Danh mục công trình khởi công mới 6 tháng cuối năm 2021		24.800	7.946	0	6.805	6.753	52	0	1.141	0	0	0	0		7.946	100	
1	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	3.500	1.200	0	1.200	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	1.200	100	BS 6 tháng cuối năm 2021
2	Xây dựng 02 phòng học Trường MN Đồng Tâm, xã Đồng Tâm (điểm lẻ)	Ban QLCD huyện	2.400	816	0	816	816	0	0	0	0	0	0	0	0	816	100	
3	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	14.800	4.500	0	3.359	3.307	52	0	1.141	0	0	0	0	0	4.500	100	
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	1.430	0	1.430	1.430	0	0	0	0	0	0	0	0	1.430	100	
C	KP giảm 1000 hộ nghèo	Phòng LĐTBXH	560	560	0	0	0	0	0	0	560		0	0	0	560	100	
D	Kết dư XDCB năm 2021		999	999	0	0	0	0	0	999	0	0		0	0	0	0	
1	Nguồn kết dư Chương trình mục tiêu		999	999	0	0	0	0	0	999	0	0	0	0		0	0	

CHỦ T. BÌNH PH

DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

(Kèm theo Báo cáo số 43/BC-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn đã giao 6 tháng cuối năm 2021	Nguồn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Giải ngân vốn đến 30/10/2021	Tỷ lệ %	Ước thực hiện cả năm 2021	Tỷ lệ %	Ghi Chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA MTM NÂNG CAO		11.000	11.000	11.000	0	0	11.000	100	
I	CT MỤC TIÊU QUỐC GIA NTM XÃ TÂN LẬP		5.000	5.000	5.000	0	0	5.000	100	
1	Xây mới, sửa chữa mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa 9 ấp (từ ấp 1 đến ấp 9)	UBND xã Tân Lập	1.274	1.274	1.274	0	0	1.274	100	
2	Sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trung tâm văn hóa thể thao xã	UBND xã Tân Lập	711	711	711	0	0	711	100	
3	Sửa chữa nhà thi đấu đa năng xã	UBND xã Tân Lập	546	546	546	0	0	546	100	
4	Chỉnh trang khuôn viên trụ sở làm việc	UBND xã Tân Lập	225	225	225	0	0	225	100	
5	Nâng cấp sửa chữa đường giao thông (Tổ 26 đi tổ 30: 1.040tr và Tổ 9 ấp 2 đi tổ 21b ấp 9: 1.044tr)	UBND xã Tân Lập	2.044	2.044	2.044	0	0	2.044	100	
6	Trồng cây xanh trên các tuyến đường	UBND xã Tân Lập	200	200	200	0	0	200	100	
II	CT MỤC TIÊU QUỐC GIA NTM XÃ TÂN TIẾN		6.000	6.000	6.000	0	0	6.000	100	
1	Xây dựng và sửa chữa 02 nhà văn hóa (ấp An hòa, Ấp chợ)	UBND xã Tân Tiến	3.000	3.000	3.000	0	0	3.000	100	
2	Xây dựng đường láng nhựa liên xã thuộc ấp An Hòa (dài 1,5km)	UBND xã Tân Tiến	3.000	3.000	3.000	0	0	3.000	100	

Phụ lục 02

GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG NĂM 2021 GIAO CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Đợt 01)

(Kèm theo Báo cáo số 474 /BC-UBND ngày 29 / 11 /2021 của UBND huyện Đồng Phú)

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục	Quy mô đầu tư	Chiều dài (km)	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021	KH vốn đã giao		Thực hiện giải ngân vốn đến 30/10/2021			Ước thực hiện cả năm 2021	Tỷ lệ %	Ghi chú
						Vốn tỉnh hỗ trợ đường bê tông xi măng năm 2021	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Khối lượng thực hiện	Giải ngân	Tỷ lệ %			
1	2	3	4	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng		26,65	23.523	15.566	14.937	629	5.356	6.063	39,0	15.566	100	
I	Xã Thuận Lợi		0,646	565	334	334	0	326	326	98	334	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 6 ấp Thuận Thành 1	Cấp C	0,400	350	207	207	0	203	203	98	207	100	
2	Xây dựng đường BTXM tổ 2 ấp Thuận An	Cấp C	0,084	73	43	43	0	42	42	98	43	100	
3	Xây dựng đường BTXM tổ 3 ấp Thuận An	Cấp C	0,162	142	84	84	0	82	82	97	84	100	
II	Xã Đồng Tâm		0,750	656	532	532	0	267	267	50	532	100	
1	Xây dựng đường BTXM ông Bình đội 6 ấp 2	Cấp C	0,200	175	142	142	0	80	80	56	142	100	100% NSNN
2	Xây dựng đường BTXM ông Bạch đội 3 ấp 2	Cấp C	0,400	350	284	284	0	187	187	66	284	100	100% NSNN
3	Xây dựng đường BTXM bà Thanh đội 2 ấp 2	Cấp C	0,150	131	106	106	0	0	0	0	106	100	100% NSNN
III	Xã Thuận Phú		3,105	2.715	1.767	1.767	0	870	870	49	1.767	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ nhà ông Thọ đến nhà ông Chi ấp Bù Xăng	Cấp C	0,440	385	228	228	0	0	0	0	228	100	
2	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ nhà ông Quy đến nhà ông Hà ấp Bù Xăng	Cấp C	0,360	315	186	186	0	140	140	75	186	100	
3	Xây dựng đường BTXM tổ 5 từ nhà ông Huy đến nhà ông Việt ấp Bù Xăng	Cấp C	0,750	656	531	531	0	300	300	56	531	100	100% NSNN

4	Xây dựng đường BTXM tổ 2 từ nhà ông Lực đến nhà ông Quyết ấp Bù Xăng	Cấp C	0,410	358	212	212	0	160	160	75	212	100	
5	Xây dựng đường BTXM tổ 5 từ nhà ông Đồng đến nhà ông Hải ấp Bù Xăng	Cấp C	0,100	87	71	71	0	40	40	56	71	100	100% NSNN
6	Xây dựng đường BTXM tổ 3 từ nhà ông Thi đến nhà bà Nhân ấp Bù Xăng	Cấp C	0,075	66	39	39	0	0	0	0	39	100	
7	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ nhà ông Tấn đến nhà ông Quốc ấp Thuận Hải	Cấp C	0,180	157	92	92	0	70	70	76	92	100	
8	Xây dựng đường BTXM tổ 2 từ nhà ông Phúc đến nhà ông Thiệu ấp Thuận Hải	Cấp C	0,075	66	39	39	0	0	0	0	39	100	
9	Xây dựng đường BTXM tổ 3 từ nhà văn hóa ấp đến nhà ông Thùy ấp Thuận Hải	Cấp C	0,580	507	299	299	0	160	160	54	299	100	
10	Xây dựng đường BTXM tổ 7 từ nhà thờ Thuận Phú đến nhà bà Bi ấp Thuận Phú 1	Cấp C	0,135	118	70	70	0	0	0	0	70	100	
IV	Xã Tân Tiến		1,800	1.574	930	930	0	891	891	96	930	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 18 nối dài sang tổ 24 ấp Minh Tân	Cấp C	0,400	350	207	207	0	201	201	97	207	100	
2	Xây dựng đường BTXM tổ 5 nối dài ấp Tân Hà	Cấp C	1,400	1.224	723	723	0	690	690	95	723	100	
V	Xã Đồng Tiến		3,460	3.024	2.408	2.408	0	2.095	2.095	87	2.408	100	
1	Xây dựng đường BTXM đội 4 ấp Suối Bình	Cấp C	1,600	1.398	1.131	1.131	0	1.131	1.131	100	1.131	100	100% NSNN
2	Xây dựng đường BTXM đội 1 ấp Suối Đồi	Cấp C	0,300	262	212	212	0	0		0	212	100	100% NSNN
3	Xây dựng đường BTXM nối dài đội 2 ấp Suối Đồi	Cấp C	0,800	699	566	566	0	566	566	100	566	100	100% NSNN
4	Xây dựng đường BTXM đội 5 ấp Suối Đồi	Cấp C	0,350	306	248	248	0	248	248	100	248	100	100% NSNN
5	Xây dựng đường BTXM từ giáp đường cây số 9 đến nhà bà Sáu ấp 5	Cấp C	0,210	184	109	109	0	8	8	7	109	100	
6	Xây dựng đường BTXM đội 1 ấp Suối Bình	Cấp C	0,200	175	142	142	0	142	142	100	142	100	100% NSNN
VI	Xã Tân Phước		8,997	7.863	5.104	5.104	0	0	0	0	5.104	100	

1	Xây dựng đường BTXM đội 3, ấp Phước Tâm (từ hộ ông Phong đến hộ ông Nhảy)	Cấp C	0,330	288	233	233	0	0	0	0	233	100	100% NSNN
2	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Phước Tâm (từ hộ ông Cường đến hộ ông Cường)	Cấp C	0,510	446	361	361	0	0	0	0	361	100	100% NSNN
3	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Phước Tâm (từ hộ ông Vũ đến hộ bà Năm)	Cấp C	0,215	188	152	152	0	0	0	0	152	100	100% NSNN
4	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Cầu Rạt (ngã ba cây sung đến hộ ông Xô)	Cấp C	0,250	219	130	130	0	0	0	0	130	100	
5	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Cầu Rạt (ngã tư đường Bào cua đến hộ ông Mạnh)	Cấp C	0,380	332	196	196	0	0	0	0	196	100	
6	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Cây Diệp (từ đường Cây Diệp đi hộ ông Hâu)	Cấp C	0,140	122	72	72	0	0	0	0	72	100	
7	Xây dựng đường BTXM Xương Bò (từ ĐT 753 đến đường 190)	Cấp C	0,220	192	114	114	0	0	0	0	114	100	
8	Xây dựng đường BTXM Đội 4, ấp Phước Tân (từ đường hố Bom đến hộ ông Thương)	Cấp C	0,480	420	340	340	0	0	0	0	340	100	100% NSNN
9	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Phước Tân (từ ĐT 753 đến hộ ông Phong)	Cấp C	0,225	197	117	117	0	0	0	0	117	100	
10	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Phước Tân (từ ĐT 753 đến hộ ông Tranh)	Cấp C	0,220	192	114	114	0	0	0	0	114	100	
11	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Phước Tiến (từ hộ ông Tuyên đến hộ ông Tiến)	Cấp C	0,715	625	506	506	0	0	0	0	506	100	100% NSNN
12	Xây dựng đường BTXM Đội 2, ấp Phước Tiến (từ hộ ông Tân đến hộ ông Lùng)	Cấp C	0,145	127	103	103	0	0	0	0	103	100	100% NSNN
13	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Nam Đô (từ hộ ông tư Rú đến hộ ông Thu)	Cấp C	0,500	437	258	258	0	0	0	0	258	100	
14	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Nam Đô (từ ngã ba năm Liên đến hộ ông Thọ)	Cấp C	1,300	1.136	671	671	0	0	0	0	671	100	
15	Xây dựng đường BTXM đội 1, ấp Sắc Xi (từ đường Sắc Xi đi nhà ông Kẹo)	Cấp C	0,627	548	323	323	0	0	0	0	323	100	

16	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông Pău)	Cấp C	1,100	961	567	567	0	0	0	0	567	100	
17	Xây dựng đường BTXM đội 2, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông tư Băn)	Cấp C	0,840	734	434	434	0	0	0	0	434	100	
18	Xây dựng đường BTXM Đội 2, ấp Säck Xi (từ đường Säck Xi đi nhà ông Phát)	Cấp C	0,800	699	413	413	0	0	0	0	413	100	
VII	Thị trấn Tân Phú		1,000	874	515	515	0	0	0	0	515	100	
1	Xây dựng đường BTXM hẻm bên hông bệnh viện Đồng Phú	Cấp C	0,180	157	92	92	0	0	0	0	92	100	
2	Xây dựng đường BTXM xóm 1 ấp Dên Dên	Cấp C	0,400	350	207	207	0	0	0	0	207	100	
3	Xây dựng đường BTXM xóm 5 nối dài ấp Dên Dên	Cấp C	0,390	341	201	201	0	0	0	0	201	100	
4	Xây dựng đường BTXM tổ 36 nối dài KP Thắng Lợi	Cấp C	0,030	26	15	15	0	0	0	0	15	100	
VIII	Xã Tân Lợi		1,000	874	707	707	0	0	707	100	707	100	
1	Xây dựng đường BTXM từ ông Dư Văn Ba đi TĐC Công an tỉnh, ấp Thạch Măng	Cấp C	1,000	874	707	707	0	0	707	100	707	100	100% NSNN
IX	Xã Tân Hưng		2,290	2.001	1.180	1.180	0	907	907	77	1.180	100	
1	Xây dựng đường BTXM từ cổng Nhà văn hóa ấp Pa Pếch đến đầu đường đất nhà ông Nguyễn Văn Chung ấp Pa Pếch	Cấp C	0,450	393	232	232	0	229	229	99	232	100	
2	Xây dựng đường BTXM từ Nhà văn hóa ấp 5 đi đòai trục	Cấp C	0,400	350	207	207	0	0	0	0	207	100	
3	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa Ấp Pa Pếch đi ấp Suối Nhung	Cấp C	0,360	315	186	186	0	183	183	98	186	100	
4	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đường Đội 3, ấp Suối Nhung	Cấp C	0,100	87	51	51	0	51	51	99	51	100	
5	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đường nhà ông Hiền đi cầu ông Cam	Cấp C	0,100	87	51	51	0	51	51	99	51	100	

6	Xây dựng đường BTXM nối tiếp đường nhà ông Hà Văn Thắng đi nhà ông Hồ Đăng Sử ấp Pa Pếch	Cấp C	0,080	70	41	41	0	41	41	99	41	100
7	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Thái ấp Pa Pếch	Cấp C	0,300	262	154	154	0	152	152	98	154	100
8	Xây dựng đường BTXM từ nhà bà Phạm Thị Vân đi Nguyễn Văn Phúc ấp Pa Pếch	Cấp C	0,400	350	207	207	0	203	203	98	207	100
9	Xây dựng đường BTXM đội 2 đi đội 5 ấp Suối Đồi	Cấp C	0,100	87	51	51	0	0	0	0	51	100
X	Xã Tân Lập		3,600	3.377	2.089	1.460	629	0	0	0	2.089	100
1	Xây dựng đường BTXM tổ 44 ấp 4	Cấp C	0,280	245	145	145	0	0	0	0	145	100
2	Xây dựng đường BTXM tổ 32 ấp 8	Cấp C	1,405	1.228	725	725	0	0	0	0	725	100
3	Xây dựng đường BTXM tổ 22 ấp 5	Cấp C	0,470	411	243	243	0	0	0	0	243	100
4	Xây dựng đường BTXM tổ 20A ấp 5 (đoạn giáp xã Phước Sang)	Cấp B	0,240	440	354	347	7	0	0	0	354	100
5	Xây dựng đường BTXM tổ 9 nối dài ấp 2	Cấp C	0,930	813	481	0	481	0	0	0	481	100
6	Xây dựng đường BTXM tổ 7 nối dài ấp 2	Cấp C	0,275	240	141	0	141	0	0	0	141	100

Phụ lục 03

GIẢI NGÂN KHV ĐƯỜNG BÊ TÔNG XI MĂNG THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ NĂM 2021
(Danh mục dự kiến giao kế hoạch vốn 6 tháng cuối năm 2021)

(Đợt 2)

(Kèm theo Báo cáo số A74 /BC-UBND ngày 29 / 11 /2021 của UBND huyện Đồng Phú)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Cấp đường	Chiều dài (km)	TMDT khái toán	Kế hoạch vốn năm 2021	Nguồn thu tiền SD đất phân cấp		Thực hiện giải ngân vốn đến 30/10/2021			Ước thực hiện cả năm 2021	Tỷ lệ %	Ghi chú
						Tỉnh phân cấp	Huyện giao thêm	Khối lượng thực hiện	Giải ngân	Tỷ lệ %			
1	2	3	4	5	6=(7)+(8)	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng		33,57	29.340	20.832	12.077	8.755	-	-	0,0	19.819	95	
I	xã Thuận Lợi		2,60	2.272	1.342	1.342	0	0	0	0	1.342	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 7 ấp Thuận Tiến	Cấp C	1,5	1.311	774	774		0	0	0	774	100	
2	Xây dựng đường BTXM tổ 3 ấp Thuận Tân	Cấp C	1,1	961	568	568		0	0	0	568	100	
II	xã Đồng Tâm		5,30	4.633	3.545	3.545	0	0	0	0	3.545	100	
1	Xây dựng đường BTXM ông Trờ đội 6 ấp 2	Cấp C	1,05	918	742	742		0	0	0	742	100	100% NSNN
2	Xây dựng đường BTXM ông Mười đội 6 ấp 2	Cấp C	0,55	481	284	284		0	0	0	284	100	
3	Xây dựng đường BTXM ông Vân đội 5 ấp 2	Cấp C	0,5	437	258	258		0	0	0	258	100	
4	Xây dựng đường BTXM ông Trung đội 3 ấp 3	Cấp C	2	1.748	1.413	1.413		0	0	0	1.413	100	100% NSNN
5	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba đường Đồng Tâm - Thuận Phú đến nhà ông Tám Dinh đội 1, ấp 1	Cấp C	1,2	1.049	848	848		0	0	0	848	100	100% NSNN
III	xã Thuận Phú		4,09	3.570	2.487	2.487	0	0	0	0	2.487	100	

1	Xây dựng đường BTXM tổ 2 từ nhà ông Lục đến nhà ông Linh ấp Bù Xăng	Cấp C	0,435	380	225	225		0	0	0	225	100	
2	Xây dựng đường BTXM tổ 4 từ ngã ba chùa Thanh Phú đến Công ty TNHH MTV Phương Anh ấp Thuận Phú 1	Cấp C	0,4	350	207	207		0	0	0	207	100	
3	Xây dựng đường BTXM tổ 4 nhà ông Châu đến nhà ông Ngọ ấp Tân Phú	Cấp C	1,27	1.110	656	656		0	0	0	656	100	
4	Xây dựng đường BTXM tổ 5b từ ĐT 758 nhà bà Bảy đến nhà ông Héo ấp Đồng Búa	Cấp C	1,33	1.162	940	940		0	0	0	940	100	100% NSNN
5	Xây dựng đường BTXM tổ 5b từ Nhà ông Bách đến nhà ông Thủy ấp Đồng Búa	Cấp C	0,65	568	459	459		0	0	0	459	100	100% NSNN
IV	xã Tân Tiến		0,65	568	336	336	0	0	0	0	336	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 13 nối dài ấp Minh Hòa	Cấp C	0,65	568	336	336		0	0	0	336	100	
V	xã Đồng Tiến		2,17	1.893	1.155	1.155	0	0	0	0	1.155	100	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Phong đi nhà ông Sáng đội 7 ấp 3	Cấp C	0,8	699	413	413		0	0	0	413	100	
2	Xây dựng đường BTXM đội 4 ấp 2	Cấp C	0,9	787	464	464		0	0	0	464	100	
3	Xây dựng đường BTXM đội 3F ấp 3	Cấp C	0,265	232	137	137		0	0	0	137	100	
4	Xây dựng đường BTXM vào điểm trường MN ấp 6 (K840C)	Cấp C	0,2	175	141	141		0	0	0	141	100	100% NSNN
VI	xã Tân Phước		0,10	87,0	52	52	0	0	0	0	52	100	
1	Xây dựng đường BTXM vào nhà văn hóa Cầu Rạt	Cấp C	0,1	87	52	52		0	0	0	52	100	
VII	TT Tân Phú		1,80	1.573	929	929	0	0	0	0	929	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 6 nối dài đến suối Rạt KP Tân An	Cấp C	0,7	612	361	361		0	0	0	361	100	
2	Xây dựng đường BTXM xóm 6 nối dài ấp Dên Dên	Cấp C	1,1	961	568	568		0	0	0	568	100	
VIII	xã Tân Lợi		6,65	5.812	4.698	191	4.507	0	0	0	4.698	100	
1	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thánh đi nhà ông Hồ ấp Đồng Bĩa	Cấp C	1,7	1.486	1.201	191	1.010	0	0	0	1.201	100	100% NSNN
2	Xây dựng đường BTXM từ NVH ấp đến nhà ông Nông Văn Lương, ấp Đồng Bĩa	Cấp C	0,45	393	318		318	0	0	0	318	100	100% NSNN

3	Xây dựng đường BTXM từ ngã ba ông ba Phương đi út Linh ấp Đồng Bĩa	Cấp C	2,5	2.185	1.766		1.766	0	0	0	1.766	100	100% NSNN
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dụ đến nhà2 ông Đạt ấp Đồng Bĩa	Cấp C	2	1.748	1.413		1.413	0	0	0	1.413	100	100% NSNN
IX	xã Tân Hưng		6,63	5.793	3.422		3.422	0	0	0	3.422	100	
1	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Nguyễn Xuân Hà đội 3, ấp Suối Nhung	Cấp C	1,8	1.573	929		929	0	0	0	929	100	
2	Xây dựng đường BTXM từ đường nhựa vào nhà ông Lê Hồng Đắc, ấp Suối Nhung	Cấp C	0,95	830	490		490	0	0	0	490	100	
3	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Nguyễn Lam đi nhà ông Nguyễn Văn Hạnh ấp Pa Đắc	Cấp C	0,85	743	439		439	0	0	0	439	100	
4	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Đại đến nhà ông Tới ấp Pa Pếch	Cấp C	0,58	507	299		299	0	0	0	299	100	
5	Xây dựng đường BTXM từ đập tràn Suối Nhung đi ông Mư ấp Cây Cầy	Cấp C	0,65	568	336		336	0	0	0	336	100	
6	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Viết Thanh ấp Suối Nhung	Cấp C	1,8	1.572	929		929	0	0	0	929	100	
X	xã Tân Lập		1,99	1.740	1.027	1.027	0	0	0	0	1.027	100	
1	Xây dựng đường BTXM tổ 33 ấp 8	Cấp C	0,93	813	480	480		0	0	0	480	100	
2	Xây dựng đường BTXM tổ 26A ấp 7	Cấp C	0,63	551	325	325		0	0	0	325	100	
3	Xây dựng đường BTXM tổ 30 ấp 8	Cấp C	0,43	376	222	222		0	0	0	222	100	
XI	xã Tân Hòa		1,60	1.399	826	0	826	0	0	0	826	100	
1	Xây dựng đường BTXM từ ông Bốn đến tuyến số 3 đường kết nối ấp Đồng Chắc	Cấp C	0,25	219	129		129	0	0	0	129	100	
2	Xây dựng đường BTXM từ ông Luân đến nhà ông Thuyết ấp Đồng Xê	Cấp C	0,7	612	361		361	0	0	0	361	100	
3	Xây dựng đường BTXM từ ông Mầu đến nhà bà Oanh ấp Đồng Xê	Cấp C	0,65	568	336		336	0	0	0	336	100	
XII	Kế hoạch vốn chưa phân bổ				1.013	1.013							Phân bổ khi có danh mục được chấp thuận